

ĐỀ GIỮ cho Tiếng Việt Được Trong Sáng

Nguyễn Bảo Hưng

Trước hết xin được nêu lên một vài ưu điểm của tiếng Việt. Tiếng Việt, theo tôi nghĩ, là một ngôn ngữ đơn âm, nhưng lại được phát biểu hay diễn tả bằng từ đa âm do nhiều chữ khác nhau ghép lại. Trong số các từ được ghép lại, có một số từ là sự **pha trộn giữa chữ Hán và chữ Việt để làm nên chữ nôm**. Đặc tính này tạo điều kiện cho Tiếng Việt được là một ngôn ngữ sáng tạo đáp ứng được nhu cầu diễn đạt về mặt âm hưởng, sắc thái hay hình tượng. Thí dụ chỉ với chữ tâm ta có thể ghép với một số chữ khác nhau để tạo ra nhiều từ khác với ý nghĩa riêng biệt. (td: *tâm lý, tâm tình, tâm tư, tâm cảm, tâm sự, tâm trạng, tâm tính, tâm thức, tâm thần* v.v...)

Đặc tính này của tiếng Việt cũng chính là yếu tố giúp cho nền văn hóa của ta dễ hội nhập các trào lưu văn học thế giới để phát triển và trưởng thành. Bằng chứng là trong gần một ngàn năm xâm chiếm nước ta, người Trung Hoa đã tìm mọi cách để biến nước ta thành một phần lãnh thổ của họ. Nhưng nhân dân ta với một lòng yêu nước đã biểu lộ một sức mạnh đề kháng cao, nên vẫn giữ được bản sắc dân tộc và không để bị đồng hóa.

Trái lại, nhờ được giao tiếp với nước ngoài, nhân dân ta đã không bỏ lỡ cơ học hỏi cái hay cái đẹp nơi người giúp cho nền văn hóa ta phát triển và thêm phong phú. Ta có thể nêu bốn câu thơ dưới đây mở đầu cho bài **Chiều Hôm Nhớ Nhà** của Bà Huyện Thanh Quan:

*Chiều trời bằng lảng bóng hoàng hôn
Tiếng ốc xa đưa, tiếng trống đồn.
Gác mái ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn chương đài người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.*

Ngay câu mở đầu, chữ **Chiều** đặt trước **Trời** là có dụng ý hẳn hoi. Ở vi thế đảo ngữ này, chữ chiều hẳn muốn lưu ý ta chính khoảnh khắc vào lúc chiều tàn mới là tác nhân làm sống dậy nỗi nhớ nhà nơi tác giả, chứ không phải quang cảnh trời đất vào buổi chiều. Tiếp đến hai chữ **bằng lảng** thay vì thoi thóp quen thuộc, mới gợi cho ta khung cảnh ánh sáng chập chờn huyền ảo của buổi chiều tàn làm sống dậy nỗi niềm nhung nhớ nơi lữ khách.

Từ toàn cảnh thời gian, không gian trải rộng, ống kính sát lại gần hơn trong câu ba và bốn để đưa ta trở về với cái không khí an lạc hài hòa của đời sống thôn dã. **Gác mái (c.3), gõ sừng (c.4)** là những nhóm từ chỉ động tác; nhưng phần năm chữ còn lại của mỗi câu thơ lại gợi cho ta dáng đi thư thái an nhàn của ông lão đánh cá, cũng như hành động hồn nhiên của đứa bé chăn trâu. Thêm vào đó, cách phân bố cân xứng hài hòa từ lời, từ âm tới mạch điệu (2/5) cũng như hình ảnh, đã gợi cho ta hình ảnh đẹp của của một cuộc sống an lạc hài hòa thôn dã khiến ta nao nao muốn được, như Proust, làm cuộc hành trình “ đi tìm thời gian đã mất “ (A la recherche du temps perdu).

Bốn câu thơ trên đây, như chúng ta đều biết, là khổ đầu của bài thơ tuyệt tác theo thể thất ngôn bát cú Đường Thi. Đây là một thể thơ Trung Hoa kinh điển với niêm luật khắt khe, chỉ những bậc thi nhân tài hoa mới làm ra những bài thơ để đời. Sự thành công của bài **Chiều Hôm Nhớ Nhà** cũng không thoát khỏi qui luật này. Xin được dẫn chứng bằng hai câu thơ dưới đây:

(3) *Gác mái, / ngư ông về viễn phố*
(4) *Gõ sừng, / mục tử lại cô thôn*

Có thể nói đây là hai câu thơ thuộc loại tuyệt tác nhất của Bà Huyện Thanh Quan. Tuyệt tác, trước hết bởi vì nó đáp ứng được các đòi hỏi khắt khe của niêm luật cổ thi về mặt đối xứng: nhịp đối nhịp (2/5) ; động tác đối động tác (Gác mái / gõ sừng), từ ngữ đối từ ngữ (ngư ông/ mục tử), hình tượng đối hình tượng (về viễn phố/lại cô thôn)... Tiếp đến là thành tựu của bài thơ về mặt niêm luật cổ thi như vậy không chỉ dành cho các

cụ đồ sinh nho vừa ngâm nga vừa nhấp ngụm trà thưởng thức. Nó còn được lưu truyền và phổ biến rộng rãi trong dân gian do bài thơ là bức họa một khung cảnh thôn dã đậm đà bản sắc dân tộc với dáng đi thư thái an nhàn của ông lão đánh cá cũng như động tác hồn nhiên vô tư của đứa bé chần trâu. Hình ảnh gợi lên quá bình dân gần gũi đến độ các từ ngữ Hán ngữ một trở nên quen thuộc để cuối cùng được sử dụng như một thành phần ngôn ngữ Việt (viễn du, viễn khách, viễn xứ, viễn chinh...).

Ta có thể nói bài thơ trên đây là thành tựu của sự hội nhập một nền văn hóa cao, nhưng không dễ bị đồng hóa. Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu đã vậy. Thế còn một trăm năm nô lệ giặc Tây thì sao ? Dù người Pháp đặt chân tới Việt Nam là nhằm mục đích xâm lược, nhưng nhân dân ta đã không bỏ lỡ cơ hội được tiếp xúc với nền văn hóa Tây phương để gia tăng nhận thức và mở rộng cảm quan thường ngoạn của mình. Khỏi cần nhắc tới Tự Lực Văn Đoàn, hẳn ai cũng biết cả rồi. Tôi chỉ xin trích dẫn mấy câu thơ dưới đây trong bài *Hồ Nhớ Rừng* của Thế Lữ để có cơ sở kiểm chứng:

*Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi uống ánh trăng tan ?...*

*.....
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*

Cũng là bài thơ nói lên nỗi niềm tiếc nhớ, nhưng bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan gợi lên cho ta một bức tranh êm đẹp hài hòa bao nhiêu, thì mấy câu thơ của Thế Lữ lại bày ra trước mắt ta một cảnh tượng man rợ, hung bạo bấy nhiêu. Không chỉ bằng từ ngữ lênh láng máu sau rừng, mà còn bằng âm sắc và mạch điệu nữa. Thí dụ như câu: *Ta đợi chết / mảnh mặt trời gay gắt*. Câu thơ tám chữ, thì năm chữ lại thuộc âm trắc (đợi, chết, mảnh, mặt, gắt); hơn thế hai chữ chết và gắt lại được đặt ở vị trí nghỉ hay ngắt nhịp. Cách bố trí mạch điệu này càng làm sống dậy nơi ta cái cảm giác hung bạo mang bản chất dã thú man rợ...

Hai bài thơ trên được sáng tác vào hai thời điểm khác nhau trong hai giai đoạn thăng trầm lịch sử khác nhau, Và mặc dù bị đặt dưới sự thống trị và áp lực của ngoại bang, nhân dân ta với sức đề kháng cao, vẫn giữ được bản sắc dân tộc, Không những thế, lợi dụng cơ hội được tiếp xúc với các nền văn hóa nước ngoài, nhân dân ta với tinh thần cầu tiến, đã học hỏi và tiếp thu những tinh hoa của người để đóng góp và làm giàu cho nền văn học đất nước những sáng tác có giá trị như nêu trên. Điều này có thể kiểm chứng dễ dàng qua đánh giá sự khác biệt giữa hai bài thơ trên về nguồn cảm hứng, về nội dung và về phong cách diễn tả. Nhưng không phải chỉ có giới kiến thức biết sử dụng từ ngữ hoa mỹ hay uyên bác mới sáng tác ra được những tác phẩm sáng giá. Ngay trong giới bình dân đại chúng, tiếng Việt của đời sống hàng ngày cũng có thể công hiến cho ta những bản văn có giá trị. Thí dụ như bài học thuộc lòng ***Trâu Cày*** trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư bậc Tiểu học trước đây tôi còn nhớ được:

*Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cày cấy vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Cả ba bài thơ trên đều nói lên nỗi niềm tâm sự riêng trong hoàn cảnh khác nhau với những cảm xúc khác nhau. Ta có thể coi bài *Chiều Hôm Nhớ Nhà* của Bà Huyện Thanh Quan là một bài thơ tâm cảm hay tâm cảnh để nói lên nỗi nhớ nhà của người lữ khách trước cảnh vật về buổi chiều, hoặc cảnh vật đó đã tác động tới lòng người như thế nào. Bài *Hồ Nhớ Rừng* của Thế Lữ, trái lại, là một sự trải bày tâm trạng uất ức của một con hổ nay bị giam cầm trong chuồng thú đồng thời tiếc nhớ cái thời tung hoành oanh liệt khi mình còn được là chúa tể sơn lâm. Nếu hai bài thơ trên đều là sản phẩm của các thi sĩ tài hoa thì bài thơ ca dao bình dân *Trâu Cày*, theo tôi, cũng có thể được coi là một bài thơ tuyệt tác. Tuyệt tác, vì chất thơ toả ra từ những lời tâm tình mộc mạc chất phát của bác nông phu với con trâu được bác coi như người bạn đồng hành. Giả dụ có ai đó, khi đọc bài Trâu cày cho là lời lẽ quá bình dân quê kệch và, để khoe chữ, đem thay thế chữ trâu bằng chữ ngưu và gặt gù cho rằng có sử dụng chữ nghĩa như thế, bài Trâu cày mới xứng đáng được coi là thơ.

Vậy ta hãy xét mấy câu đầu của bài thơ ca dao được ông đồ gàn sửa lại xem sao:

*Ngưu ơi ta bảo ngưu này,
Ngưu ra ngoài ruộng ngưu cày với ta.
Cày cấy vốn nghiệp nông gia,
Ta đây ngưu đấy, ai mà quan công ...*

Đọc lên, bất cứ ai bình thường đều cảm thấy sự thay thế này là lỗi bịch, khoe trương chữ nghĩa không phải lỗi, làm mất đi thi tính của bài thơ chủ yếu nằm trong những lời lẽ chân tình mộc mạc của bác nông phu với con vật cũng hiền lành chất phác như bác. Thơ đích thực là gì nếu không phải là hơi thở nồng ấm của tâm hồn, là tiếng nói của đời sống chân thật. Ta xúc động trước những tiếng nói bi cô đầu đời của đứa trẻ vì sự bộc lộ chân tình mộc mạc của nó. Bởi vậy ta mới gọi những tiếng nói đầu đời là lời trẻ thơ. Chỉ có người lớn mới học làm thơ, đôi khi với những sáo ngữ rỗng tuếch. Tiếc thay, đó lại là hiện tượng của tình trạng sử dụng chữ nghĩa ngày một bừa bãi hiện nay, khi ta thấy xuất hiện ngày một nhiều, đặc biệt trong nước, một số từ ngữ lạ hoắc phần đông không nói lên được cái gì, ngoại trừ chỉ để khoe khoang hợm hĩnh.

Về điểm này, đã có nhiều bài viết của người Việt ở trong nước cũng như ở hải ngoại lên tiếng than phiền rồi. Tôi chỉ xin đơn cử một vài thí dụ cụ thể như sau:

- Tới thăm Paris, ít ai không muốn tới thăm cung điện Versailles để chiêm ngưỡng công trình kiến trúc **hoành tráng** của nó. (thay vì nguy nga tráng lệ)
- Anh rất yêu em nên sẽ xin cưới em **để được quyền sở hữu em**. (Người ta chỉ sử dụng từ sở hữu để nói về một đồ vật hay một thú vật như sở hữu một tài sản khổng lồ hay một đàn bò, chứ đâu để nói về con người được. Nếu tôi là cô gái tôi sẽ cho anh chàng một cú đá đít rồi tống ra khỏi nhà liền)
- Hôm nay trời có **khả năng** mưa, thay vì trời có thể mưa. (Khả năng chỉ nên dùng để nói về trình độ hay mức độ, chứ không để nói về một hiện tượng có thể xảy ra hay không có thể xảy ra. Tại sao không nói "hôm nay trời có thể mưa" nghe quen thuộc và dễ hiểu hơn không)

Mấy thí dụ kể trên tưởng cũng đủ cho thấy ở trong nước hiện đang có hiện tượng một số người đua đòi sử dụng chữ nghĩa một cách tùy tiện bừa bãi cốt để khoe khoang hợm hĩnh, mà không ý thức được rằng cách sử dụng chữ nghĩa như vậy chỉ để lộ sự kém hiểu biết của mình.

Thế còn cộng đồng người Việt ở hải ngoại thì sao ? Mặc dù sống ở nước ngoài đã lâu, chúng ta vẫn nặng lòng với quê hương đất nước nơi chúng ta đã sinh ra. Và chúng ta vẫn mong ước ngày được tìm lại một đất nước Việt Nam an bình với cuộc sống hài hòa như qua bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan hay Trâu Gà. Tâm trạng chung này của người Việt hải ngoại đã được nhà thơ Đỗ Bình nói lên qua mấy lời thơ dưới đây;

Hà Nội xưa

*Ta nhớ trời xuân hoa rục rờ
Thuở thanh bình hồn nhẹ như thơ.
Nắng tà ngả chiếu giàn thiên lý.
Ly loạn cuốn đi tuổi dại khờ.
5 Chiều thu gió thoảng mùi hoa sữa
Hà Nội trong mơ thoáng nét xưa.
Người cũ gặp nhau lời nhả ngọc.
Quán hàng nhộn nhịp bước chân đưa.
Chớp mắt tuổi hồng đi lặng lẽ
10 Trôi ngày thoáng đẹp tựa cơn mê
Hồ gươm cổ thụ cành soi bóng
Lối vẫn cây xanh ropy nắng hè.
Hà Nội thời nay nhiều phố mới
Người sang kẻ khó khắp nơi
15 Những lời thanh lịch đâu còn nữa
Ngôn ngữ trộn pha rất lạ đời!
Ngõ gác chìm sâu trong phố cổ
Mưa phùn lất phất bụi hư vô,
Người xưa đã hóa thành mây trắng*

20 Dấu tích rồng bay cũng mơ hồ.
Từ thuở xa quê hồn phố cũ
Ta như cánh hạc mãi phiêu du
Thời gian biến biệt không trở lại,
Hà Nội trong mơ vẫn mịt mù.
Đỗ Bình

Trong một chừng mực nào đó, ta có thể coi Hà Nội xưa như một Thăng Long thành hoài cổ của thời đại chúng ta. Duy có điều khác biệt: Với Thăng Long thành hoài cổ, Bà Huyện Thanh Quan chỉ nói lên nỗi tiếc nhớ một cảnh vật người xưa không còn nữa. Đỗ Bình, trái lại, bày tỏ khát vọng được làm cuộc hành hương về nguồn để được sống lại những kỷ niệm đẹp của một thời vang bóng. Nào là thơm mùi hoa sữa, nào là Hồ gươm cổ thụ cành soi bóng, và đặc biệt là con người thanh lịch thời đó, mỗi lần gặp nhau đều mừng rỡ bằng những lời chào hỏi thanh lịch. Nhưng nhà thơ đã phải thất vọng trước những đổi thay, không chỉ nơi cảnh vật, mà còn nơi con người qua biểu hiện những lời thanh lịch đâu còn nữa, Ngôn ngữ trộn pha rất lạ đời. Rất lạ đời do việc sử dụng chữ nghĩa bừa bãi, vô ý thức như đã nói ở trên. Phải chăng đó chính là lý do khiến đã có cuộc hội bàn góp ý vừa qua về chủ đề Để giữ cho tiếng Việt được trong sáng.

Cả hai bài *Thăng Long Thành Hoài Cổ* và *Hà Nội Xưa* đều là những bài thơ tuyệt tác tuy với hai phong cách diễn tả khác nhau. Một đằng là uyên bác với những từ nôm xen lẫn từ hán-việt, một đằng toàn những từ quen thuộc, bình dị thuộc về đời sống hàng ngày. Nhưng cả hai bài đều giàu thi tính và sử dụng chữ nghĩa trong sáng như nhau. Do đó ta không nên phân tiếng Việt ra thành từ ngữ uyên bác thanh cao hay đại chúng dung tục. Điều quan trọng là ta có biết sử dụng chúng trong sáng đúng với công dụng hay tinh thần ý nghĩa của nó hay không.

Bên cạnh tính trong sáng, tiếng Việt còn thêm một ưu điểm khác. Do tính đa âm đa nghĩa của nó, tiếng Việt còn là một ngôn ngữ sáng tạo, dồi dào khả năng diễn đạt. Thí dụ:

- a) để nói về sự khác biệt giữa các động tác của bàn tay: cầm, nắm, nâng niu, mân mê, vuốt ve, sờ soạng ...
- cầm tay em anh khẽ nói...
 - nâng niu cánh tay ngài...
 - mân mê vuốt ve (sáng mùng một Tết, nhận được tiền mừng tuổi, thằng bé cứ vuốt ve mân mê mãi tấm giấy bạc mới tinh.)
 - Mày mò, sờ soạng... (Nửa đêm thức giấc, ông lão sờ soạng lần theo bức tường đi về phía bàn, mày mò kiểm cái điều cày để đánh một hơi thuốc lào)
- b) để biểu lộ thái độ
- Biết có khách phương xa tới ghé thăm, ông bà chủ nhà niềm nở ra tiếp đón.
 - Cô hàng nước đơn đã mời chào khách qua sông
- c) Dáng đi ;
- Thằng bé mới ngày nào chập chững bước đi, nay đã lon ton chạy, khiến bà mẹ vội le te đuổi theo sợ con ngã.
 - Ông già lập cập đi vấp ngã...
 - Rồi còn nào là: ánh sáng lung linh, đóm lửa bập bùng, nước đổ tung tóe, hoàng hôn thấp thoáng, hoa lá xôn xao, ăn cần vồn vã, ăn nói linh tinh...

Vậy đó, Cái tinh hoa của tiếng Việt nằm trong khả năng diễn đạt đa tầng, đa nghĩa, hàm súc ý vị của nó. Ta có thể sánh tiếng Việt như một mảnh đất phì nhiêu có nhiều loại đá quý. Vấn đề là ta có biết tìm kiếm và khai thác những viên đá đó để biến chúng thành những viên ngọc quý giá ra sao. Bằng không, chữ nghĩa trong tiếng Việt chẳng khác chi như trong câu ca dao dân gian:

"Ngọc kia chẳng dũa chẳng mài, cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi."

Bởi vậy ta cần có thái độ trân trọng với mọi loại từ ngữ, không nên phân loại thành từ ngữ hoa mỹ thanh cao hay từ ngữ dung tục thấp hèn. Từ ngữ cũng như con người. Không nên đánh giá qua hình thức, cái vỏ ngoài. Không phải trong giới đại gia tọa lạc các ngôi biệt thự xa hoa hoành tráng, ngồi trên những chiếc xe thuộc loại xịn mới toanh láng cóng là không có phần tử bất lương. Và cũng không hề trong đám người phải tắt bật làm ăn, quần áo lam lũ lại không có những tấm lòng vàng. Lương thiện, chân chính hay không là do phong cách sử sự mà thôi.

Từ ngữ cũng vậy. Điều quan trọng là ta phải biết sử dụng chúng ra sao, có đúng nghĩa, đúng cách, đúng hoàn cảnh, đúng nhân vật hay không. Thí dụ như trong câu nêu trên:

"Nửa đêm thức giấc, ông lão sờ soạng lần theo bức tường đi về phía cái bàn để mò mẫm kiểm chiếc điều cày, đánh một hơi thuốc lào."

Các từ sờ soạng hay mò mẫm ở đây đều được sử dụng một cách trong sáng. Trái lại, những ai quen thói dùng mấy từ này một cách tùy tiện, tùy hứng là có vấn đề đấy. Hãy nên coi chừng. Có thể đó là triệu chứng cái đầu đã đầy sạn. Nên xin hẹn gặp bác sĩ tâm thần để được khám bệnh đi là vừa.

Trên đây chính là lý do khiến tôi không coi những lời lẽ thuộc loại bình dân đại chúng đều tầm thường, phạm tục. Thực ra, đó chỉ là những lời lẽ châm biếm, hóm hỉnh có tính cách đùa rỡ giữa bạn bè, nhưng đôi khi lại là yếu tố giúp cho bản văn của ta thêm ý vị. Bởi vậy trong bài biên khảo mang tựa đề *"Albert Camus, nhà văn chuyên luận về triết học phi lý và cây bút gắn bó với cõi sông thế gian"*, tôi đã không ngần ngại viết em nào nom cũng đều thơm như múi mít cả, để chỉ các cô gái xinh đẹp. Nhóm từ này vốn là từ ngữ của dân bụi đời Sài Gòn trước 1975, những lúc ngồi đầu lảo với nhau tại các quán cà phê con cóc vỉa hè.

Cũng vậy, trong bài viết mang tựa đề *"Paris với Ernest Hemingway"*, đề cập tới giai đoạn văn hào Mỹ, tới Paris để khởi đầu sự nghiệp viết văn của mình, tôi có câu viết ở phần kết

"Tới Paris mà chỉ để được một mình tự sướng hay hai đứa được cùng sướng trước tháp Eiffel hay trên đại lộ Champs-Élysées..."

Tự sướng hay cùng sướng tức selfies, đều là những từ dân Hà Nội giữa bạn bè với nhau cũng khoái dùng để chỉ hành động tự chụp hình cho mình. Albert Camus và Ernest Hemingway, như chúng ta được biết, là hai nhà văn Pháp và Mỹ giữa thế kỷ trước, đều được trao tặng giải thưởng văn học Nobel. Vậy mà khi gửi đi hai bài nhận định văn học có tính cách nghiêm túc này, tôi không nhận được lời phản bác nào. Riêng chỉ có anh bạn nổi khổ, nghĩa là chơi với nhau từ thuở còn mặc quần thùng đít tóc để chòm trái đào, mới viết thư nêu thắc mắc:

"Ở Pháp bây giờ sống tự do phóng túng thế sao? Vậy kỳ này tao qua Pháp chơi, mày bày tao cách nào có thể đến tự sướng hay cùng sướng (selfies) trước Khải Hoàn Môn mà không bị cảnh sát lôi về Bóp".

Trước câu hỏi rắc rối đó, tôi đành chỉ biết ngậm miệng ăn tiền. Còn anh bạn tôi, chắc cũng mỉm cười gật gù khoái trá với câu hỏi móc họng của mình.

Hơn nữa, theo tôi nghĩ, cái tinh hoa của tiếng Việt không chỉ nằm trong những lời lẽ trong sáng bình dị như trong bài Trâu cày. đôi khi còn có khả năng dùng ẩn dụ để ám chỉ bằng gợi hình, gợi ý gây liên tưởng. Để minh chứng, xin cùng tôi đọc lại bài thơ Vịnh quả mít của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, cùng thời với Bà Huyện Thanh Quan:

*Em như quả mít chín trên cây
Da nó xù xì múi nó dày
Quân tử có thương xin đóng cọc
Xin đừng mân mó nhựa ra tay.*

Nếu như bài *Chiều Hôm Nhớ Nhà* của Bà Huyện Thanh Quan, lời lẽ và phong cách diễn tả uyên bác và thi tính bao nhiêu, thì bài thơ mô tả quả mít của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, vốn vẹn chỉ có bốn câu thể thôi, lời lẽ lại bình dân dễ hiểu bấy nhiêu. Nếu đưa cho chú bé chăn trâu hay bác nông phu chất phát phát đọc, thì cả hai đều nói bài thơ này chỉ để nói về quả mít. Vậy mà khi chìa cho một anh bạn đã từng du học ở Pháp coi, thì anh ta cứ đọc đi đọc lại, rồi gật gù tùm tùm cười nói:

- Đây đúng là một bài thơ tuyệt tác thuộc trường phái biểu tượng mà chưa chắc các nhà thơ tài hoa Pháp như Baudelaire, Verlaine hay Rimbaud... đã diễn tả bằng.

Về phần tôi, hồi còn ở trung học, tôi cũng đã từng được nghe nói về mấy nhà thơ này cũng như về phương pháp mỹ học biểu tượng. Theo phương pháp mới này, ta không nên chỉ dùng chữ nghĩa để mô tả những gì ta thấy hiện sờ sờ ra trước mắt. Trái lại ta cần dựa vào phương pháp ám chỉ, nghĩa là dùng lời, dùng hình ảnh, để gợi cảm, gợi ý gây liên tưởng. Về phương pháp này, nhân dân ta cũng biết từ khuya rồi, chứ đâu có cần phải sang mãi bên Tây mới học được. Thí dụ như câu ví von dân gian:

*Sấm bên đông mà động bên tây,
Tuy rằng nói đấy mà đây động lòng.*

Về phần tôi, hồi đó, của đáng tội, tôi có chịu khó nghe lời thầy giảng như vậy. Nhưng nghe thì có nghe, là để thuộc bài chuẩn bị thi cử mà thôi. Với thời gian và nay đầu đã hai thứ tóc, bao nhiêu chữ nghĩa hầu như đã trả lại hết cho ông thầy. Bởi vậy nay đọc lại, tôi chỉ thấy bài thơ này đúng là quả mít như Bà Hồ Xuân Hương mô tả, chứ có hình dung ra được cái quái gì đâu theo trí tưởng tượng của anh bạn mà anh ta cứ gật gù cái đầu mỉm cười khoái trá.

Vậy đó, tôi cho rằng để giữ cho tiếng Việt được trong sáng, ta không nên chỉ chọn lọc những từ uyên bác hay hoa mỹ. Mà cũng không nhất thiết luôn luôn phải theo đúng nghĩa từ điển. Sử dụng chữ nghĩa đúng theo từ điển chỉ nên dành cho các học sinh bậc trung học đang chuẩn bị thi tú tài mà thôi. Chỉ khi nào chịu khó tìm hiểu ngọn ngành ý nghĩa của mỗi từ và công dụng của nó trong những ngữ cảnh, hoàn cảnh khác nhau, ta mới nói lên được cái tinh hoa, cái ý vị hàm xúc của tiếng Việt. Để kết thúc, tôi xin được tóm tắt thành vài hàng như sau. Tiếng Việt là mà ngôn ngữ bình dị, trong sáng nhưng dồi dào khả năng sáng tạo. Còn trong sáng và sáng tạo ra sao là do khả năng động não nơi người viết và óc tưởng tượng phong phú nơi người đọc. Hay, để mượn cách nói quen miệng của mấy ông tây mắt xanh mũi lõ xứ phú lãng xa:

Tout est dans la tête, docteur.

Nguyễn Bảo Hưng

Sau khi bài " Để giữ cho tiếng Việt được trong sáng " được gửi đi, tôi có nhận được một số phản hồi khích lệ cùng với một vài nhận xét có tính cách xây dựng. Bởi vậy tôi đã đọc lại và nhận thấy quả thật có một vài chỗ diễn tả hãy còn thiếu sót hay vụng về, nhất là phần liên quan đến bài thơ Quả Mít của bà Hồ Xuân Hương. Bởi vậy xin cho được gửi thêm lần nữa phần cuối của bài viết với một vài sửa đổi, bổ sung cho hoàn chỉnh để mời đọc quý vị nào đã có nhã ý đọc. Xin có lời cảm tạ trước. Trân kính.

Nguyễn Bảo Hưng.

Sau cùng, xin được nêu lên một dạng thiên tài khác của tiếng Việt: Đó là dùng phương pháp ngụ ý, ám chỉ với những lời lẽ bình dân mộc mạc để nói lên những gì không tiện nói ra hay khó nói lên được. Thí dụ như câu ví von dân gian vẫn về:

"Sâm bên Động mà động bên Tây, Tuy rằng nói đấy mà đây động lòng."

Về mặt văn học, ta có thể nêu trường hợp bài thơ Vịnh quả mít của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, cùng thời với Bà Huyện Thanh Quan:

*Em như quả mít chín trên cây
Da nó xù xì múi nó dày
Quân tử có thương xin đóng cọc
Xin đừng mân mó nhựa ra tay.*

Nếu như bài Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan, lời lẽ và phong cách diễn tả uyên bác và thi tính bao nhiêu, thì bài thơ mô tả quả mít của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, vốn vẹn chỉ có bốn câu, lời lẽ lại bình dân dễ hiểu bấy nhiêu. Nếu đọc lên cho chú bé chăn trâu hay bác nông phu chất phát nghe, thì cả hai đều nói bài thơ này để nói về quả mít. Về phần tôi, cũng cho là thế. Vậy mà khi chia cho một anh bạn đã từng du học ở Pháp coi, thì anh ta cứ đọc đi đọc lại, rồi gật gù tùm tùm cười khoái trá. Thấy vậy tôi mới thắc mắc hỏi: " Đây chỉ là bốn câu thơ thuộc loại vẫn về dân gian để mô tả quả mít, chứ có gì lạ đâu mà anh lại đắc chí như vậy." Anh bạn liền giải thích: " Anh biết không. Đây không phải là bốn câu thơ vẫn về chỉ để mô tả quả mít như anh nghĩ đâu. Trái lại, đó là một bài thơ tuyệt tác gợi cảm, gợi ý, gợi hình theo mỹ học biểu tượng (le symbolisme) mà chưa chắc các nhà thơ tài hoa Pháp thuộc trường phái biểu tượng như Baudelaire, Verlaine, Rimbaud hay Mallarmé...đã có được" . Thấy tôi cái mặt cứ nghệt ra, anh bạn vội giải thích: " Anh phải biết, chữ nghĩa chỉ là công cụ để mô tả những gì ta thấy hiện ra sờ sờ trước mắt. Trường phái biểu tượng, trái lại, chủ trương dùng chữ nghĩa làm tín hiệu để gợi cảm, gợi ý gây liên tưởng giúp ta nhìn ra được cái chân, cái thực đằng sau cái vỏ ngoài." Về trường phái biểu tượng, của đáng tội, hồi đó, tôi cũng đã từng được nghe ông thầy giảng rồi. Nhưng nghe thì có nghe, cốt để thuộc bài chuẩn bị thi cử mà thôi. Với thời gian và nay cái đầu đã hai thứ tóc, bao nhiêu chữ nghĩa hầu như đã trả lại hết cho thầy. Bởi vậy nay đọc lại, cũng như bác nông phu hay chú bé chăn trâu, tôi chỉ thấy bài thơ này đúng là quả mít như Bà Hồ Xuân Hương mô tả. Và lại thời bà Hồ Xuân Hương, người Pháp chưa tới hoặc mới đặt chân lên đất nước Việt Nam, có mấy ai biết chữ tây chữ u là gì

đâu. Vậy mà anh bạn tôi, không biết có phải vì học nhiều đâm cuồng chữ hay không, mà anh lại cứ tám tắc khen hay. Tuy nhiên tôi không dám hỏi thêm sợ bị chê là tối dạ ngụ ý sáng tạo. Bởi vậy, để nói lên tính ưu việt của nó, ta không cần tìm cách diễn tả bằng những từ uyên bác hay hoa mỹ. Mà cũng không nhất thiết luôn luôn phải theo nghĩa từ điển. Sử dụng chữ nghĩa đúng theo từ điển chỉ nên dành cho các học sinh bậc trung học đang chuẩn bị thi tú tài mà thôi. Chỉ khi nào chịu khó bỏ công tìm hiểu ý nghĩa của từng chữ theo dụng ý của người sử dụng, ta mới cảm nhận được cái tinh hoa, cái ý vị hàm xúc của tiếng Việt.

Để kết thúc, tôi xin được tóm tắt lại vài hàng như sau. Tiếng Việt là một ngôn ngữ bình dị, trong sáng nhưng dồi dào khả năng sáng tạo và truyền đạt ý vị. Còn trong sáng ra sao và truyền đạt sáng tạo ý vị như thế nào lại tùy thuộc khả năng động não nơi người viết và óc tưởng tượng phong phú nơi người đọc. Hay, để mượn cách nói quen miện của mấy ông tây mắt xanh mũi lõ xứ phú lã xa:

- Tout est dans la tête, docteur.

Nguyễn Bảo Hưng